TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1834/2026/QĐST-DS	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 08 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 1783/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 08 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Đỗ Hải L**, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Số E cư xá P, đường L, phường H (Phường E, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Đỗ Hải L: Bà **Cao Thị H**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số A Chung TDH P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (*Giấy ủy quyền công chứng số: 005265/2026/CCGD ngày 07/5/2026 của Phòng C1*).

Bị đơn: Bà **Phạm Thị M**, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: C Ấp D, xã T (xã T, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phạm Thị Kim A**, sinh năm: 1953; Địa chỉ: B đường T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Phạm Thị N**, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số I đường N, phường L, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà **Phạm Thị T**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số E đường số G, phường B (Phường H, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh

4. Bà **Phạm Thị T1**, sinh năm: 1974; Địa chỉ: C Ấp D, xã T (xã T, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà **Văn Thị Mộng T2**, sinh năm: 1983;

6. Bà **Phạm Văn Mộng N1**, sinh năm: 2005;

7. Ông **Phạm Văn Phước H1**; sinh năm: 2007;

Bà T2, bà N1, ông H1 cùng địa chỉ: C Ấp D, xã T (xã T, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2- Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]- Những người thừa kế của bà Nguyễn Thị C (chết ngày 06/08/2021) và ông Phạm Bá Đ (chết ngày 14/03/2013) gồm có 06 (sáu) người là: bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T1, ông Phạm Bá D (chết ngày 01/08/2021. Những người thừa kế thế vị của ông Phạm Bá D gồm có: ông Phạm Đỗ Hải L, bà Phạm Văn Mộng N1, ông Phạm Văn Phước H1).

[2.2]- Căn cứ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (Vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 728 QSDĐ/1997 ngày 07/04/1997) do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 07 tháng 04 năm 1997 (Theo quyết định: 16/QĐ-UB ngày 07/04/1997), với diện tích 440m^2 thuộc thửa số: 3048, tờ bản đồ số: 03, loại đất thổ vườn, tọa lạc tại xã T, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.3]- Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 08/04/2026 của Ủy ban nhân dân xã T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị C khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Thành phần 2: Bồi thường hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn huyện B thuộc Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A (đoạn từ K đến ranh tỉnh Long An), theo phương thức đối tác công tư (Hợp đồng BOT) (nay là đường L), trên địa bàn xã T.

[2.4]- Ghi nhận việc bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T1, ông Phạm Đỗ Hải L, bà Phạm Văn Mộng N1, ông Phạm Văn Phước H1 cùng thống nhất không tranh chấp hay khiếu nại đối với nhà đất ở thuộc một phần thửa đất số 3048, tờ bản đồ số 03, diện tích 90m^2 (có một phần phóng đường làm lộ giới) do Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở cho bà Phạm Thị M là chủ sở hữu. Nay phần nhà đất ở này thuộc thửa 487, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại địa chỉ: C ấp C, xã T, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh (Hồ sơ gốc số: 1326/2003, ngày 02/05/2003).

[2.5] Bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T1, ông Phạm Đỗ Hải L, bà Văn Thị Mộng T2, bà Phạm Văn Mộng N1, ông Phạm Văn P H1 đồng ý thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C và ông Phạm Bá Đ đối với phần đất có diện tích bị thu hồi: 324,5m^2 tọa lạc tại C2/1 Ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc một phần thửa số 3048, tờ bản đồ số 03 (Tài liệu chỉnh lý 1992), tương ứng một phần thửa đất số 73, tờ bản đồ số 201 (Tài liệu BĐĐC) thuộc Bộ địa chính xã T (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 728 QSDĐ/1997 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 07 tháng 04 năm 1997). Cụ thể như sau:

[2.5.1] Bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị N, ông Phạm Bá D (chết năm 2021), bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T1, mỗi người hưởng 1/5 kỷ phần giá trị bồi thường, hỗ trợ,

tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Bồi thường hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn xã T theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt và phương án bồi thường phát sinh thêm (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

[2.5.2] Riêng kỷ phần 1/5 của ông Phạm Bá D thì người thừa kế thế vị của ông Phạm Bá D gồm có: ông Phạm Đỗ Hải L, bà Phạm Văn Mộng N1, ông Phạm Văn Phước H1 được nhận thay kỷ phần của ông D. Cụ thể là ông Phạm Đỗ Hải L, bà Phạm Văn Mộng N1, ông Phạm Văn Phước H1 mỗi người nhận 1/3 đối với kỷ phần của ông Phạm Bá D được nhận như nêu trên (Theo mục [2.5.1])

[2.6]- Bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T1, ông Phạm Đỗ Hải L, bà Phạm Văn Mộng N1, ông Phạm Văn Phước H1 có trách nhiệm liên hệ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã T để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo kỷ phần mỗi người được nhận (Theo mục [2.5.1] và [2.5.2] của mục [2.5]) như nêu trên.

[2.7]- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã T hỗ trợ bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T1, ông Phạm Đỗ Hải L, bà Phạm Văn Mộng N1, ông Phạm Văn Phước H1 được nhận số tiền được phê duyệt theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phương án bồi thường phát sinh thêm (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

[2.8]- Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1]- Bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị N thuộc diện người cao tuổi, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị N có nộp đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2]- Bà Phạm Thị T, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Văn Mộng N1, ông Phạm Văn Phước H1 mỗi người chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.3]- Ông Phạm Đỗ Hải L chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Phạm Đỗ Hải L đã nộp là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002995 ngày 14 tháng 07 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Phạm Đỗ Hải L còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 10.700.000 đồng (Mười triệu, bảy trăm nghìn đồng).

4- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật Thi hành án dân sự 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

5- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (18);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND khu vực 10, TP.HCM (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Tân nhựt (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).



THẨM PHÁN

Ôn Kim Chi